

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 05 năm 2025

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUI NĂM 2025
Mã trường: DDT**

Đại học Duy Tân thông báo tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2025 cụ thể như sau:

I. VÙNG TUYỂN SINH: Tuyển sinh trong nước và nước ngoài

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH:

1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trong nước hoặc nước ngoài đủ điều kiện xét tuyển học đại học theo qui chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và Đề án tuyển sinh của Trường

2. Chỉ tiêu tuyển sinh: Dự kiến 9360 chỉ tiêu

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: Đại học Duy Tân thực hiện 05 phương thức xét tuyển

1) Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục Đào tạo (GDĐT) và ưu tiên xét tuyển thẳng theo Thông tin tuyển sinh của Đại học Duy Tân;

2) Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2025;

3) Xét kết quả học tập (Học bạ) THPT dựa vào kết quả học tập năm lớp 12 theo tổ hợp môn xét tuyển.

4) Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2025 cho tất cả các ngành, ngoại trừ ngành Kiến trúc.

Đại học Duy Tân tổ chức thi môn Vẽ Mỹ thuật Đợt 1 vào ngày 26/04/2025 và Đợt 2 vào ngày 12/07/2025 để xét tuyển cho các tổ hợp V00, V01, V02, V06, M02, M04.

5) Xét kết quả kỳ V-SAT năm 2025;

IV. TÊN NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH VÀ TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN

TT	Mã ngành	Tên ngành/ Chuyên ngành	Mã Chuyên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển: Xét kết quả thi THPT (100), Xét tuyển Học bạ THPT (200), Xét tuyển Kết quả thi V-SAT
I	TRƯỜNG CÔNG NGHỆ & KỸ THUẬT - https://set.duytan.edu.vn (LĨNH VỰC KHOA HỌC MÁY TÍNH TOP 501-600 THẾ GIỚI; KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TOP 301-400 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2025)			
1	7480103	Ngành Kỹ thuật Phần mềm có các chuyên ngành:		A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) C02 (Văn, Toán, Hóa); X26 (Toán, Anh, Tin)
		Công nghệ Phần mềm (Đạt kiểm định ABET)	102	
		Thiết kế Games và Multimedia	122	
2	7480202	Ngành An toàn Thông tin có chuyên ngành:		
		An toàn Thông tin	124	

uak

TT	Mã ngành	Tên ngành/ Chuyên ngành:	Mã Chuyên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển: Xét kết quả thi THPT (100), Xét tuyển Học bạ THPT (200), Xét tuyển Kết quả thi V-SAT
3	7480101	Ngành Khoa học Máy tính có các chuyên ngành:		A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) C02 (Văn, Toán, Hóa); X26 (Toán, Anh, Tin)
		<i>Khoa học Máy tính</i>	130	
		<i>Kỹ thuật Máy tính*</i>	128	
4	7480107	Ngành Trí tuệ Nhân tạo có chuyên ngành:		
		<i>Trí tuệ Nhân tạo (HP)</i>	121(HP)	
5	7460108	Ngành Khoa học Dữ liệu có các chuyên ngành:		
		<i>Khoa học Dữ liệu</i>	135	
		<i>Big Data & Machine Learning (HP)</i>	115(HP)	
6	7480102	Ngành Mạng Máy tính & Truyền thông Dữ liệu có các chuyên ngành:		
		<i>Kỹ thuật Mạng (Đạt kiểm định ABET)</i>	101	
		<i>Mạng máy tính & Truyền thông Dữ liệu</i>	140	
7	7510301	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử có các chuyên ngành (Đạt kiểm định ABET)		A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) C02 (Văn, Toán, Hóa); X26 (Toán, Anh, Tin)
		<i>Điện Tự động</i>	110	
		<i>Điện tử-Viễn thông</i>	109	
		<i>Điện-Điện tử chuẩn PNU</i>	113(PNU)	
		<i>Thiết kế Vi mạch Bán dẫn</i>	127	
8	7510205	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô có các chuyên ngành:		
		<i>Công nghệ Kỹ thuật Ô tô</i>	117	
		<i>Điện Cơ Ô tô</i>	145	
9	7520216	Ngành Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa có các chuyên ngành:		
		<i>Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa</i>	118	
		<i>Cơ Điện tử chuẩn PNU</i>	112(PNU)	
10	7520201	Ngành Kỹ thuật Điện có chuyên ngành:		
		<i>Kỹ thuật Điện</i>	150	
11	7510202	Ngành Công nghệ Chế tạo Máy có chuyên ngành:		
		<i>Công nghệ Chế tạo Máy</i>	125	
12	7210403	Ngành Thiết kế Đồ họa có chuyên ngành:		A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) C02 (Văn, Toán, Hóa); V01 (Toán, Văn, Vẽ)
		<i>Thiết kế Đồ họa</i>	111	
		<i>Thiết kế Mỹ thuật số*</i>	129	
13	7210404	Ngành Thiết kế Thời trang có chuyên ngành:		
		<i>Thiết kế Thời trang</i>	119	
14	7580101	Ngành Kiến trúc có chuyên ngành:		V00 (Toán, Lý, Vẽ); V01 (Toán, Văn, Vẽ) V02 (Toán, Anh, Vẽ); V06 (Toán, Địa, Vẽ)
		<i>Kiến trúc Công trình</i>	107	
		<i>Thiết kế Nội thất</i>	123	
15	7580201	Ngành Kỹ thuật Xây dựng có các chuyên ngành:		A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) X07 (Toán, Lý, Công nghệ); X06 (Toán, Lý, Tin)
		<i>Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp</i>	105	
		<i>Xây dựng Cầu đường</i>	106	
16	7510102	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng có chuyên ngành:		
		<i>Công nghệ Quản lý Xây dựng</i>	206	
17	7510406	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường có chuyên ngành:		A00 (Toán, Lý, Hóa); B00 (Toán, Hóa, Sinh); B03 (Toán, Sinh, Văn); C01 (Văn, Toán, Lý) C02 (Văn, Toán, Hóa); A02 (Toán, Lý, Sinh)
		<i>Công nghệ & Kỹ thuật Môi trường</i>	301	
18	7540101	Ngành Công nghệ Thực phẩm có chuyên ngành:		
		<i>Công nghệ Thực phẩm</i>	306	
19	7850101	Ngành Quản lý Tài nguyên & Môi trường có chuyên ngành:		
		<i>Quản lý Tài nguyên & Môi trường</i>	307	

Handwritten signature/initials.

TT	Mã ngành	Tên ngành/ Chuyên ngành	Mã Chuyên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển: Xét kết quả thi THPT (100), Xét tuyển Học bạ THPT (200), Xét tuyển Kết quả thi V-SAT
II TRƯỜNG KINH TẾ & KINH DOANH - https://sbc.duytan.edu.vn (TOP 601-800 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2025)				
1	7340101	Ngành Quản trị Kinh doanh có các chuyên ngành:		A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) A07 (Toán, Sử, Địa); X01 (Văn, Toán, KT&PL)
		Quản trị Kinh doanh Tổng hợp	400	
		Quản trị Kinh doanh Bất động sản	415	
		Quản trị Kinh doanh Quốc tế (Ngoại thương)	411	
		Phân tích Kinh doanh (Business Analytics)	427	
2	7340122	Ngành Thương mại Điện tử có chuyên ngành:		
		Thương mại Điện tử	422	
3	7340404	Ngành Quản trị Nhân lực có chuyên ngành:		
		Quản trị Nhân lực	417	
4	7510605	Ngành Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng có chuyên ngành:		
		Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng	416	
5	7340115	Ngành Marketing có các chuyên ngành:		
		Quản trị Kinh doanh Marketing	401	
		Digital Marketing	402	
6	7340121	Ngành Kinh doanh Thương mại có chuyên ngành:		
		Kinh doanh Thương mại	412	
7	7340201	Ngành Tài chính - Ngân hàng có các chuyên ngành:		
		Tài chính Doanh nghiệp	403	
		Ngân hàng	404	
8	7310104	Ngành Kinh tế Đầu tư có chuyên ngành:		
		Kinh tế Đầu tư	433	
		Kinh tế Quốc tế*	418	
9	7340301	Ngành Kế toán có các chuyên ngành:		
		Kế toán Doanh nghiệp	406	
		Kế toán Quản trị (HP)	406(HP)	
10	7340302	Ngành Kiểm toán có chuyên ngành:		
		Kế toán Kiểm toán	405	
11	7340205	Ngành Công nghệ Tài chính có chuyên ngành:		
		Công nghệ Tài chính (Fintech)	435	
III TRƯỜNG NGÔN NGỮ & XÃ HỘI NHÂN VĂN - https://lhss.duytan.edu.vn (TOP 401-500 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2025)				
1	7220201	Ngành Ngôn ngữ Anh có các chuyên ngành:		D01 (Văn, Toán, Anh); D09(Toán, Sử, Anh); D14 (Văn, Sử, Anh); D15(Văn, Địa, Anh); A01 (Toán, Lý, Anh); D10 (Toán, Địa, Anh)
		Tiếng Anh Biên-Phiên dịch	701	
		Tiếng Anh Du lịch	702	
		Tiếng Anh Thương mại	801	
2	7220204	Ngành Ngôn Ngữ Trung Quốc có các chuyên ngành:		
		Tiếng Trung Biên-Phiên dịch	703	
		Tiếng Trung Du lịch	707	
		Tiếng Trung Thương mại	803	
3	7220210	Ngành Ngôn Ngữ Hàn Quốc có các chuyên ngành:		
		Tiếng Hàn Biên-Phiên Dịch	705	
		Tiếng Hàn Du lịch	706	
		Tiếng Hàn Thương mại	805	

hau

TT	Mã ngành	Tên ngành/ Chuyên ngành	Mã Chuyên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển: Xét kết quả thi THPT (100), Xét tuyển Học bạ THPT (200), Xét tuyển Kết quả thi V-SAT
4	7220209	Ngành Ngôn ngữ Nhật có các chuyên ngành:		D01 (Văn, Toán, Anh); D09(Toán, Sử, Anh); D14 (Văn, Sử, Anh); D15(Văn, Địa, Anh); A01 (Toán, Lý, Anh); D10 (Toán, Địa, Anh)
		Tiếng Nhật Biên-Phiên Dịch	704	
		Tiếng Nhật Du lịch	708	
		Tiếng Nhật Thương mại	804	
5	7229030	Ngành Văn học có chuyên ngành:		C00 (Văn, Sử, Địa); D01 (Văn, Toán, Anh) C03 (Văn, Toán, Sử); C04 (Văn, Toán, Địa); D15(Văn, Địa, Anh); D14(Văn, Sử, Anh)
	Văn Báo chí	601		
6	7310630	Ngành Việt Nam học có chuyên ngành:		
	Việt Nam học	600		
7	7320104	Ngành Truyền thông Đa phương tiện có chuyên ngành:		
	Truyền thông Đa phương tiện	607		
8	7310206	Ngành Quan hệ Quốc tế có các chuyên ngành:		
		Quan hệ Quốc tế (Chương trình Tiếng Anh)	608	
		Quan hệ Quốc tế (HP)	608(HP)	
9	7320108	Ngành Quan hệ Công chúng có chuyên ngành:		
	Quan hệ Công chúng	610		
10	7380107	Ngành Luật kinh tế có chuyên ngành:		
		Luật Kinh tế	609	
		Luật Kinh doanh (HP)	609(HP)	
11	7380101	Ngành Luật có chuyên ngành:		
		Luật học	606	
IV	TRƯỜNG DU LỊCH-ĐẠT KIỂM ĐỊNH QUỐC TẾ UNWTO.TEDQUAL (TOP 51-100 THẾ GIỚI THEO QS RANKINGS 2025) - https://dtu-hti.edu.vn			
1	7810201	Ngành Quản trị Khách sạn có chuyên ngành:		A01 (Toán, Lý, Anh); C00 (Văn, Sử, Địa); D01 (Văn, Toán, Anh); C03 (Văn, Toán, Sử); C04 (Văn, Toán, Địa); X01 (Văn, Toán, KT&PL)
		Quản trị Du lịch & Khách sạn	407	
		Quản trị Khách sạn Quốc tế (PSU) (Đạt kiểm định UNWTO.Tedqual)	414(PSU)	
2	7810103	Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành có chuyên ngành:		
		Quản trị Du lịch & Dịch vụ Hàng không	444	
		Hướng dẫn Du lịch Quốc tế (tiếng Anh)	440	
		Hướng dẫn Du lịch Quốc tế (tiếng Hàn)	441	
		Hướng dẫn Du lịch Quốc tế (tiếng Trung)	442	
		Quản trị Du lịch & Lữ hành	408	
	Quản trị Du lịch & Lữ hành chuẩn PSU	408(PSU)		
3	7340412	Ngành Quản trị Sự kiện có chuyên ngành:		
	Quản trị Sự kiện & Giải trí	413		
4	7810202	Ngành Quản trị Nhà hàng & Dịch vụ Ăn uống có chuyên ngành:		
	Quản trị Nhà hàng Quốc tế (PSU) (Đạt kiểm định UNWTO.Tedqual)	425(PSU)		
5	7810101	Ngành Du lịch có chuyên ngành:		
		Smart Tourism (Du lịch thông minh)	445	
6	7810501	Ngành Kinh tế Gia đình có chuyên ngành:		
		Quản lý & Khởi sự Doanh nghiệp Nhỏ & Vừa (SME)	446	

neu

TT	Mã ngành	Tên ngành/ Chuyên ngành	Mã Chuyên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển: Xét kết quả thi THPT (100), Xét tuyển Học bạ THPT (200), Xét tuyển Kết quả thi V-SAT
V	Y-DƯỢC DTU (TOP 401-500 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2025) https://cmp.duytan.edu.vn			
1	7720101	Ngành Y Khoa có chuyên ngành: <i>Bác sĩ Đa khoa</i>	305	A00 (Toán, Lý, Hóa); B00 (Toán, Hóa, Sinh); B03 (Toán, Sinh, Văn); A02 (Toán, Lý, Sinh); X14 (Toán, Sinh, Tin); D08 (Toán, Sinh, Anh)
2	7720501	Ngành Răng-Hàm-Mặt có chuyên ngành: <i>Bác sĩ RĂNG-HÀM-MẶT</i>	304	
3	7720301	Ngành Điều dưỡng có chuyên ngành: <i>Điều dưỡng Đa khoa</i>	302	
4	7720201	Ngành Dược có chuyên ngành: <i>Dược sĩ (Đại học)</i>	303	
5	7420201	Ngành Công nghệ Sinh học có chuyên ngành: <i>Công nghệ Sinh học</i>	310	
6	7520212	Ngành Kỹ thuật Y sinh có chuyên ngành: <i>Kỹ thuật Y sinh</i> <i>Xét nghiệm Y học*</i>	320 330	
VI	CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN & QUỐC TẾ - https://is.duytan.edu.vn ĐẠT KIỂM ĐỊNH ABET (MỸ) KHỎI NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			
1	7480103	Ngành Kỹ thuật Phần mềm có chuyên ngành: <i>Công nghệ Phần mềm chuẩn CMU (Đạt kiểm định ABET)</i>	102(CMU)	A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) C02 (Văn, Toán, Hóa); X26 (Toán, Anh, Tin)
2	7480202	Ngành An toàn Thông tin có chuyên ngành: <i>An ninh Mạng chuẩn CMU</i>	116(CMU)	
3	7340405	Ngành Hệ thống Thông tin Quản lý có chuyên ngành: <i>Hệ thống Thông tin Quản lý chuẩn CMU (Đạt kiểm định ABET)</i>	410(CMU)	
4	7340101	Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành: <i>Quản trị Kinh doanh chuẩn PSU</i>	400(PSU)	A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) A07 (Toán, Sử, Địa); X01 (Văn, Toán, KT&PL)
5	7340201	Ngành Tài chính-Ngân hàng có chuyên ngành: <i>Tài chính-Ngân hàng chuẩn PSU</i>	404(PSU)	
6	7340301	Ngành Kế toán có chuyên ngành: <i>Kế toán Kiểm toán chuẩn PSU</i>	405(PSU)	
7	7580201	Ngành Kỹ thuật Xây dựng có chuyên ngành: <i>Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp chuẩn CSU</i>	105(CSU)	A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) X07(Toán, Lý, Công nghệ); X06(Toán, Lý, Tin)
8	7580101	Ngành Kiến trúc có chuyên ngành: <i>Kiến trúc Công trình chuẩn CSU</i>	107(CSU)	V00 (Toán, Lý, Văn); V01(Toán, Văn, Văn) V02 (Toán, Anh, Văn); V06 (Toán, Địa, Văn)
VII	CHƯƠNG TRÌNH DU HỌC TẠI CHỖ LẤY BẰNG MỸ (ĐH TROY) - https://troy.edu.vn			
1	7480101 (LK)	Ngành Khoa học Máy tính có chuyên ngành: <i>Công nghệ Thông tin TROY</i>	102(TROY)	A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) C02 (Văn, Toán, Hóa); X26 (Toán, Anh, Tin)
2	7340101 (LK)	Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành: <i>Quản trị Kinh doanh TROY</i>	400(TROY)	A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) A07 (Toán, Sử, Địa); X01 (Văn, Toán, KT&PL)
3	7810201 (LK)	Ngành Quản trị Khách sạn có chuyên ngành: <i>Quản trị Du lịch & Khách sạn TROY</i>	407(TROY)	A01 (Toán, Lý, Anh); C00 (Văn, Sử, Địa); D01 (Văn, Toán, Anh); C03 (Văn, Toán, Sử); C04 (Văn, Toán, Địa); X01 (Văn, Toán, KT&PL)

TT	Mã ngành	Tên ngành/ Chuyên ngành	Mã Chuyên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển: Xét kết quả thi THPT (100), Xét tuyển Học bạ THPT (200), Xét tuyển Kết quả thi V-SAT
VIII CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG (NAM KHUẾ) -https://smi.edu.vn				
1	7340101 (HP)	Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành:		A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) A07 (Toán, Sử, Địa); X01 (Văn, Toán, KT&PL)
		Quản trị Doanh nghiệp (HP)	400(HP)	
2	7340115 (HP)	Ngành Marketing có chuyên ngành:		
		Quản trị Marketing & Chiến lược (HP)	401(HP)	
3	7340201 (HP)	Ngành Tài chính-Ngân hàng có chuyên ngành:		
		Quản trị Tài chính (HP)	403(HP)	
4	7510605 (HP)	Ngành Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng có chuyên ngành:		
		Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng (HP)	416(HP)	
IX CHƯƠNG TRÌNH VIỆT- NHẬT - https://vjiet.duytan.edu.vn				
1	7480103	Ngành Kỹ thuật Phần mềm có chuyên ngành:		A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) C02 (Văn, Toán, Hóa); X26 (Toán, Anh, Tin)
		Công nghệ Phần mềm	102(VJJ)	
2	7510301	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử có chuyên ngành:		
		Điện tử-Viễn thông	109(VJJ)	
3	7520216	Ngành Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa có chuyên ngành:		
		Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa	118(VJJ)	
4	7510205	Ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô có chuyên ngành:		
		Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	117(VJJ)	
5	7580201	Ngành Kỹ thuật Xây dựng có chuyên ngành:		A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) X07(Toán, Lý, Công nghệ); X06(Toán, Lý, Tin)
		Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp	105(VJJ)	
6	7580101	Ngành Kiến trúc có chuyên ngành:		V00 (Toán, Lý, Văn); V01(Toán, Văn, Văn) V02 (Toán, Anh, Văn); V06 (Toán, Địa, Văn)
		Kiến trúc Công trình	107(VJJ)	
7	7210403	Ngành Thiết kế đồ họa có chuyên ngành:		A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý) C02 (Văn, Toán, Hóa); V01 (Toán, Văn, Văn)
		Thiết kế đồ họa	111(VJJ)	
8	7540101	Ngành Công nghệ Thực phẩm có chuyên ngành:		A00 (Toán, Lý, Hóa); B00 (Toán, Hóa, Sinh); B03 (Toán, Sinh, Văn); C01 (Văn, Toán, Lý) C02 (Văn, Toán, Hóa); A02 (Toán, Lý, Sinh)
		Công nghệ Thực phẩm	306(VJJ)	
9	7720301	Ngành Điều dưỡng có chuyên ngành:		A00 (Toán, Lý, Hóa); B00 (Toán, Hóa, Sinh); B03 (Toán, Sinh, Văn); A02 (Toán, Lý, Sinh); X14 (Toán, Sinh, Tin); D08 (Toán, Sinh, Anh)
		Điều dưỡng Đa khoa	302(VJJ)	

(*) Ngành/ Chuyên ngành mới tuyển sinh 2025

CMU: Carnegie Mellon University
 PSU: Pennsylvania State University
 CSU: California State University
 PNU: Purdue Northwest University

IIP: Chương trình Tài năng
 TROY: ĐẠI HỌC TROY
 VJJ: Chương trình Việt Nhật

Nhan

V. ĐIỂM XÉT TUYỂN

1. Xét theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025

- Đối với các ngành chung:

Điểm Xét tuyển = (điểm thi môn 1 + điểm thi môn 2 + điểm thi môn 3) + điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

- Đối với ngành Kiến trúc:

Điểm Xét tuyển = (điểm môn 1 + điểm môn 2 + điểm thi Vẽ Mỹ thuật * 2) + điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

2. Xét theo Kết quả Học bạ THPT cả năm lớp 12:

Xét theo tổ hợp môn xét tuyển:

Điểm Xét tuyển = (điểm Môn 1 + điểm Môn 2 + điểm Môn 3) + điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

- **Đối với ngành Y khoa, Răng-Hàm-Mặt và Dược:** Tổng điểm 3 môn đạt từ 24 điểm trở lên, đồng thời có Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức **TỐT** hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 điểm trở lên;

- **Đối với ngành Điều dưỡng:** Tổng điểm 3 môn đạt từ 19,5 điểm trở lên, đồng thời có Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức **KHÁ** hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 điểm trở lên;

- **Đối với ngành Kiến trúc:** Tổng điểm 2 môn trong tổ hợp môn + Điểm thi Vẽ Mỹ thuật * 2.

Điểm Xét tuyển = (điểm Môn 1 + điểm Môn 2 + điểm thi Vẽ Mỹ thuật * 2) + điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

Trong đó: + Tổng điểm 2 môn trong tổ hợp đạt từ 12 điểm trở lên;

+ Môn **Vẽ Mỹ thuật**: Thí sinh có thể thi tại Đại học Duy Tân hoặc dùng kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật tại các trường đại học có tổ chức thi trong cả nước.

- **Đối với các ngành còn lại:** Tổng điểm 3 môn xét từ 18 điểm trở lên;

3. Xét theo kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. HCM tổ chức (Mã phương thức: 402)

- **Đối với ngành Y khoa, Răng-Hàm-Mặt và Dược:** Tổng điểm xét từ **750 điểm** trở lên, đồng thời có Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức **TỐT** hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 điểm trở lên;

- **Đối với ngành Điều dưỡng:** Tổng điểm xét từ **700 điểm** trở lên, đồng thời có Kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức **KHÁ** hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ **6,5 điểm** trở lên;

- **Đối với các ngành còn lại:** Tổng điểm xét từ **700 điểm** trở lên;

- **Đối với các ngành Kiến trúc:** Không xét kết quả thi Đánh giá năng lực.

4. Đối với các chương trình Du học tại chỗ lấy bằng Mỹ và liên kết đào tạo với nước

ngoài: Thí sinh đủ điều kiện xét tuyển khi đã tốt nghiệp THPT và đảm bảo các điều kiện về trình độ Tiếng Anh.

han

VI. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN

1. Phương thức xét tuyển thẳng: Nhận hồ sơ từ ngày ra thông báo đến ngày **30/06/2025**.
2. Phương thức xét theo Học bạ THPT lớp 12, kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM và Phương thức xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT: Thí sinh đăng ký nguyện vọng vào Đại học Duy Tân theo quy định và lịch trình cụ thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Thời gian nhận Hồ sơ Đăng ký thi tuyển môn Văn Nghệ tại Đại học Duy Tân: thi tuyển đợt 1 ngày 26/4/2025, đợt 2 ngày 12/7/2025.

5. Hồ sơ Xét tuyển

- Đơn đăng ký Xét tuyển theo mẫu.
- Bản sao Học bạ THPT.
- Bản sao Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).
- Bản sao Giấy chứng nhận đạt giải thưởng (nếu có).

6. Địa chỉ nhận Hồ sơ Xét tuyển

BAN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC DUY TÂN

- Địa chỉ: 254 Nguyễn Văn Linh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng.
- Điện thoại: 1900.2252 - 0905.294.390 - 0905.294.391

Hoặc thí sinh đăng ký trực tuyến tại địa chỉ:

<https://tuyensinh.duytan.edu.vn>

VII. THỜI GIAN NHẬP HỌC

Theo thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

VIII. HỒ SƠ NHẬP HỌC

1. Bản chính Giấy báo Trúng tuyển nhập học (do ĐH Duy Tân cấp);
2. Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi Tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh xét tuyển bằng điểm thi THPT quốc gia); Giấy chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực của ĐH Quốc gia TP HCM (đối với thí sinh xét tuyển bằng điểm thi đánh giá năng lực); Giấy chứng nhận kết quả thi VSAT (đối với thí sinh xét tuyển bằng điểm thi VSAT);
3. 01 bản sao công chứng Học bạ THPT;
4. Bản gốc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời hoặc 01 bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT nếu đã tốt nghiệp trước năm 2025;
5. Bản sao Giấy khai sinh;
6. Bản sao Các giấy tờ xác nhận đối tượng và khu vực ưu tiên (nếu có) như giấy chứng nhận con liệt sĩ, thẻ thương binh hoặc được hưởng chính sách như thương binh của bản thân hoặc của cha mẹ, giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên khác...;
7. Giấy giới thiệu di chuyển nghĩa vụ quân sự đối với Nam giới còn trong độ tuổi do cơ quan quân sự tại địa phương cấp (nếu có);

IX. HỌC BỔNG TUYỂN SINH 2025

Gần 2.000 SUẤT học bổng với tổng trị giá hơn 60 TỶ đồng cho mùa Tuyển sinh 2025, trong đó:

Ước

➤ **50 Suất học bổng TOÀN PHẦN/ BÁN PHẦN** có tổng trị giá gần 7 TỶ đồng cho chương trình **Du học tại chỗ lấy bằng** của Đại học Troy (Mỹ) đối với:

- Những thí sinh đoạt **giải Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt **giải Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích** trong Hội thi khoa học kỹ thuật do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức;
- Những thí sinh có tổng điểm 3 môn xét tuyển từ kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt từ **24 điểm** trở lên.

➤ **180 Suất HỌC BỔNG CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG (TOÀN PHẦN/ BÁN PHẦN)** có tổng trị giá gần 17 TỶ đồng cho những thí sinh trúng tuyển vào một trong các ngành chương trình Tài năng có tổng điểm 3 môn xét tuyển từ kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 đạt từ **23 điểm** trở lên.

➤ **65 Suất học bổng TOÀN PHẦN (100% học phí toàn khóa học)** với tổng trị giá hơn 8 TỶ đồng cho những thí sinh đăng ký vào học bất kỳ chuyên ngành nào của chương trình Tiên tiến & Quốc tế CMU, PSU, CSU, PNU có tổng điểm 3 môn xét tuyển từ Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 đạt từ **25 điểm** trở lên.

➤ **20 Suất học bổng TOÀN PHẦN/ BÁN PHẦN** với tổng trị giá gần 3 TỶ đồng cho những thí sinh đăng ký vào học bất kỳ chuyên ngành nào của các Trường, Khoa đào tạo thuộc Đại học Duy Tân có tổng điểm 3 môn xét tuyển từ Kỳ thi tốt nghiệp THPT 2025 đạt từ **24 điểm** trở lên.

➤ **Và nhiều Suất học bổng khác. Chi tiết các loại Học bổng, xem tại:**

<https://duytan.edu.vn/tuyen-sinh/Page/SchollashipView.aspx>

Mọi thông tin về Tuyển sinh, thí sinh có thể tìm hiểu chi tiết tại: <http://tuyensinh.duytan.edu.vn> hoặc liên hệ:

Ban Tư vấn Tuyển sinh Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: 1900.2252 - (0236) 3650.403 - 3653.561 - Fax: (0236) 3650.443

Số điện thoại đường dây nóng: 1900.2252 - 0905.294.390 - 0905.294.391

Facebook: [tuyensinhDTU](#); Zalo: 0905.294.390 - 0905.294.391 *uam*

Nơi nhận:

- BGĐ (để báo cáo);
- Ban KHTC;
- Ban Đào tạo;
- Ban Tuyển sinh
- VPĐH. *1*

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH
[Signature]
ĐẠI HỌC DUY TÂN
TS. Võ Thanh Hải